

ĐI U L

Tr ng trung h c c s , tr ng trung h c ph thông

và tr ng ph thông có nhi u c p h c

(Ban hành kèm theo Thông t s : 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3 /2011

c a B tr ng B Giáo d c và Đào t o)

Ch ng I

NH NG QUY Đ NH CHUNG

Đi u 1. Ph m vi đi u ch nh và đ i t ng áp d ng

1. Đi u l tr ng trung h c c s (THCS), tr ng trung h c ph thông (THPT) và tr ng ph thông có nhi u c p h c quy đ nh v t ch c và qu n lý nhà tr ng; ch ng trình và các ho t đ ng giáo d c; giáo viên; h c sinh; tài s n c a tr ng; quan h gi a nhà tr ng, gia đình và xã h i.

2. Điều lệ này áp dụng cho các trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học (sau đây gọi chung là trường trung học), tổ chức và cá nhân có liên quan.

3. Trường do các tổ chức kinh tế hoặc cá nhân nước ngoài đầu tư được quy định tại văn bản khác.

Điều 2. Vị trí của trường trung học trong hệ thống giáo dục quốc dân

Trường trung học là cấp giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân. Trường có tổ chức pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn của trường trung học

Trường trung học có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác theo mục tiêu, chương trình giáo dục phổ thông dành cho cấp THCS và cấp THPT do Bộ trưởng-Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

2. Quản lý giáo viên, cán bộ, nhân viên theo quy định của pháp luật.

3. Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh; vận động học sinh đến trường; quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục trong phạm vi được phân công.

5. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong hoạt động giáo dục.

6. Quản lý, sử dụng và bảo vệ nguồn tài sản vật chất, trang thiết bị theo quy định của Nhà nước.

7. Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia hoạt động xã hội.

8. Thực hiện các hoạt động văn kiện định hướng phát triển giáo dục.

9. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Loại hình và hình thức trường trung học

1. Trường trung học được tổ chức theo hai loại hình: công lập và tư thục.

a) Trường công lập do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thành lập và Nhà nước trực tiếp quản lý. Nguồn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và kinh phí cho chi thường xuyên chủ yếu do ngân sách nhà nước bảo đảm;

b) Trường tư thục do các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế hoặc cá nhân thành lập khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép. Nguồn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và kinh phí hoạt động của trường tư thục là nguồn ngoài ngân sách nhà nước.

2. Các trường có mặt tiếp xúc gồm:

a) Tr ng trung h c c s ;

b) Tr ng trung h c ph thông.

3. Các tr ng ph thông có nhi u c p h c g m:

a) Tr ng ti u h c và trung h c c s ;

b) Tr ng trung h c c s và trung h c ph thông;

c) Tr ng ti u h c, trung h c c s và trung h c ph thông.

4. Các tr ng chuyên bi t g m:

a) Tr ng ph thông dân t c n i trú, tr ng ph thông dân t c bán trú;

b) Tr ng chuyên, tr ng năng khi u;

c) Tr ng dành cho ng i tàn t t, khu t t t;

d) Tr ng giáo d ng.

Đi u 5. Tên tr ng, bi n tên tr ng

1. Vi c đ t tên tr ng đ c quy đ nh nh sau:

Tr ng trung h c c s (h c: trung h c ph thông; ti u h c và trung h c c s ; trung h c c s và trung h c ph thông; ti u h c, trung h c c s và trung h c ph thông; trung h c ph thông chuyên) + tên riêng c a tr ng.

2. Tên tr ng đ c ghi trên quy t đ nh thành l p, con d u, bi n tên tr ng và gi y t giao d ch.

3. Bi n tên tr ng ghi nh ng n i dung sau:

a) Góc phía trên, bên trái:

- Đ i v i tr ng trung h c có c p h c cao nh t là c p THCS:

Dòng th nh t: U ban nhân dân huy n (qu n, th xã, thành ph) tr c thu c t nh và tên huy n (qu n, th xã, thành ph) thu c t nh;

Dòng th hai: Phòng giáo d c và đào t o.

- Đ i v i tr ng trung h c có c p THPT:

Dòng th nh t: U ban nhân dân t nh, thành ph và tên t nh, thành ph tr c thu c Trung ư ng;

Dòng th ầ hai: S ầ giáo d ầ c và đào t ầ o.

b) ầ gi ầ a ghi tên tr ườ ng theo quy đ ầ nh t ầ i Điề u 5 c ầ a Điề u l ầ này;

c) D ầ i cùng là đ ầ a ch ầ , s ầ đ ầ n tho ầ i.

4. Tên tr ườ ng và bi ầ n tên tr ườ ng c ầ a tr ườ ng chuyên bi ầ t có quy ch ầ t ầ ch ầ c và ho ầ t đ ầ ng riêng thì th ầ c hi ầ n theo quy ch ầ t ầ ch ầ c và ho ầ t đ ầ ng c ầ a lo ầ i tr ườ ng chuyên bi ầ t đó.

Điề u 6. Phân c ầ p qu ầ n lý

1. Tr ườ ng THCS và tr ườ ng ph ầ thông có nhi ầ u c ầ p h ầ c có c ầ p h ầ c cao nh ầ t là THCS do phòng giáo d ầ c và đào t ầ o qu ầ n lý.

2. Tr ườ ng THPT và tr ườ ng ph ầ thông có nhi ầ u c ầ p h ầ c có c ầ p h ầ c cao nh ầ t là THPT do s ầ giáo d ầ c và đào t ầ o qu ầ n lý.

3. Tr ườ ng chuyên bi ầ t có quy ch ầ t ầ ch ầ c và ho ầ t đ ầ ng riêng thì th ầ c hi ầ n phân c ầ p qu ầ n lý theo quy ch ầ t ầ ch ầ c và ho ầ t đ ầ ng c ầ a lo ầ i tr ườ ng chuyên bi ầ t đó.

Điề u 7. T ầ ch ầ c và ho ầ t đ ầ ng c ầ a tr ườ ng trung h ầ c có c ầ p t ầ u h ầ c, tr ườ ng trung h ầ c chuyên bi ầ t và tr ườ ng trung h ầ c t ầ th ầ c

1. Tr ườ ng trung h ầ c có c ầ p t ầ u h ầ c ph ầ i tuân theo các quy đ ầ nh c ầ a Điề u l ầ này và Điề u l ầ tr ườ ng t ầ u h ầ c.

2. Các trường trung học chuyên biệt, trường trung học thể thao quy định tại Điều 4 của Điều lệ này tuân theo các quy định của Điều lệ này và quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt, trường thể thao do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Điều 8. Nội quy trường trung học

Các trường trung học căn cứ các quy định của Điều lệ này và các quy chế, điều lệ quy định tại Điều 7 của Điều lệ này (đối với trường trung học có cấp tiểu học, trường trung học chuyên biệt, trường trung học thể thao) để xây dựng nội quy của trường mình.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ NHÀ TRƯỜNG

Điều 9. Điều kiện thành lập hoặc cho phép thành lập và điều kiện để được cho phép hoạt động giáo dục

1. Điều kiện thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học:

a) Có Dự án thành lập trường phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Dự án thành lập trường xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình và nội dung giáo dục; đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm để kiến xây dựng trường, tổ chức bộ máy, nguồn lực và tài chính; phương hướng chính sách xây dựng và phát triển nhà trường.

2. Điều kiện để được cho phép hoạt động giáo dục:

- a) Có quy chế thành lập hoặc quy chế thành lập trường;
- b) Có đất đai, trường sở, cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động giáo dục;
- c) Đảm bảo cơ sở trường học đảm bảo môi trường giáo dục, an toàn cho học sinh, giáo viên, cán bộ và nhân viên;
- d) Có chương trình giáo dục và tài liệu giảng dạy, học tập theo quy định phù hợp với môi trường học;
- đ) Có đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đội ngũ tiêu chuẩn và phẩm chất và đội ngũ trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục đội ngũ và cơ sở học; đội ngũ sư phạm theo cơ sở và loại hình giáo viên đảm bảo theo học hiên chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;
- e) Có đủ nguồn lực tài chính theo quy định để đảm bảo duy trì và phát triển hoạt động giáo dục;
- g) Có quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

3. Trong thời hạn quy định cho phép, nếu nhà trường có đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 2 của Điều này thì được cơ quan có thẩm quyền cho phép hoạt động giáo dục; hết thời hạn quy định cho phép, nếu không đủ điều kiện thì quy chế thành lập hoặc quy chế thành lập phải thu hồi.

4. Điều kiện thành lập hoặc cho phép thành lập đội ngũ và trường trung học chuyên biệt được thực hiện theo quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

Điề u 10. Th ị m quy ị n th ă ng l ị p ho ị c cho phép th ă ng l ị p; cho phép ho ị t đ ị ng gi ă ng đ ị c

1. Ch ị t ị ch U ị ban nh ă n d ă n huy ị n, qu ị n, th ị x ă , th ă ng ph ị thu ị c t ị nh (sau đ ă y g ị i chung là c ị p huy ị n) quy ị t đ ị nh th ă ng l ị p ho ị c cho phép th ă ng l ị p đ ị i v ị i tr ị ng THCS và tr ị ng ph ị thông có nh ị u c ị p h ị c có c ị p h ị c cao nh ị t là THCS; Ch ị t ị ch U ị ban nh ă n d ă n t ị nh, th ă ng ph ị tr ị c thu ị c Trung ị ng (sau đ ă y g ị i chung là c ị p t ị nh) quy ị t đ ị nh th ă ng l ị p ho ị c cho phép th ă ng l ị p đ ị i v ị i các tr ị ng THPT và tr ị ng ph ị thông có nh ị u c ị p h ị c có c ị p h ị c cao nh ị t là THPT.

2. Tr ị ng ph ị ng gi ă ng đ ị c và đ ă o t ị o quy ị t đ ị nh cho phép ho ị t đ ị ng gi ă ng đ ị c đ ị i v ị i tr ị ng THCS và tr ị ng ph ị thông có nh ị u c ị p h ị c có c ị p h ị c cao nh ị t là THCS; Gi ă m đ ị c s ị gi ă ng đ ị c và đ ă o t ị o quy ị t đ ị nh cho phép ho ị t đ ị ng gi ă ng đ ị c đ ị i v ị i tr ị ng THPT và tr ị ng ph ị thông có nh ị u c ị p h ị c có c ị p h ị c cao nh ị t là THPT.

Điề u 11. H ị s ị và tr ị ng t ị , th ị t ị c th ă ng l ị p ho ị c cho phép th ă ng l ị p; cho phép ho ị t đ ị ng gi ă ng đ ị c đ ị i v ị i tr ị ng trung h ị c

1. H ị s ị đ ị ng h ị th ă ng l ị p ho ị c cho phép th ă ng l ị p tr ị ng trung h ị c:

a) Đ ị ă n th ă ng l ị p tr ị ng;

b) T ị tr ị ng v ị Đ ị ă n th ă ng l ị p tr ị ng, đ ị th ị o Quy ch ị ho ị t đ ị ng c ị a tr ị ng;

c) S ị y ị u l ị l ị ch k ị m theo b ị n sao v ă n b ị ng, ch ị ng ch ị h ị p l ị c ị a ng ị i đ ị k ị n b ị tr ị làm H ị u tr ị ng;

d) Ý k ị n b ị ng v ă n b ị n c ị a các c ị quan có li ị n quan v ị v ị c th ă ng l ị p ho ị c cho phép th ă ng l ị p tr ị ng;

đ) Báo cáo gi i trình vi c ti p thu ý ki n c a các c quan có liên quan và báo cáo b sung theo ý ki n ch đ o c a y ban c p huy n ho c y ban nhân dân c p t nh (n u có).

2. Trình t , th t c thành l p ho c cho phép thành l p tr ng trung h c:

a) U ban nhân dân c p xã, ph ng, th tr n (sau đây gi chung là c p xã) đ i v i tr ng THCS và tr ng ph thông có nhi u c p h c có c p h c cao nh t là THCS; U ban nhân dân c p huy n đ i v i tr ng THPT và tr ng ph thông có nhi u c p h c có c p h c cao nh t là THPT; t ch c ho c cá nhân đ i v i các tr ng trung h c t th c có trách nhi m l p h s theo quy đ nh t i kho n 1 c a Đi u này;

b) Phòng giáo d c và đào t o (đ i v i tr ng THCS và tr ng ph thông có nhi u c p h c có c p h c cao nh t là THCS), s giáo d c và đào t o (đ i v i tr ng THPT và tr ng ph thông có nhi u c p h c có c p h c cao nh t là THPT) ti p nh n h s , xem xét đ i u ki n thành l p tr ng theo quy đ nh t i kho n 1 Đi u 9 c a Đi u l này. Trong th i h n 20 ngày làm vi c k t ngày nh n đ h s h p l , n u th y đ đ i u ki n, c quan ti p nh n h s có ý ki n b ng văn b n và gi i h s đ ngh thành l p ho c cho phép thành l p tr ng đ n y ban nhân dân c p huy n (đ i v i tr ng THCS và tr ng ph thông có nhi u c p h c có c p h c cao nh t là THCS) ho c c p t nh (đ i v i tr ng THPT và tr ng ph thông có nhi u c p h c có c p h c cao nh t là THPT);

c) y ban nhân dân c p huy n ho c c p t nh nh n h s , xem xét đ i u ki n thành l p tr ng theo quy đ nh t i kho n 1 Đi u 9 c a Đi u l này. Trong th i h n 20 ngày làm vi c k t ngày nh n đ h s h p l , y ban nhân dân c p huy n ra quy t đ nh thành l p ho c cho phép thành l p đ i v i tr ng THCS và tr ng ph thông có nhi u c p h c có c p h c cao nh t là THCS; y ban nhân dân c p t nh ra quy t đ nh thành l p ho c cho phép thành l p đ i v i tr ng THPT và tr ng ph thông có nhi u c p h c có c p h c cao nh t là THPT. Tr ng h p ch a quy t đ nh thành l p ho c ch a cho phép thành l p tr ng, c quan có th m quy n thành l p ho c cho phép thành l p tr ng trung h c có văn b n thông báo cho c quan ti p nh n h s bi t rõ lí do và h ng gi i quy t.

3. H s đ ngh cho phép nhà tr ng ho t đ ng giáo d c:

a) T trình đ ngh cho phép nhà tr ng ho t đ ng giáo d c;

b) Quy ậ t ấ nh thành l ậ p ho ậ c cho phép thành l ậ p tr ị ng;

c) Văn b ậ n th ậ m ấ nh c ậ a các c ậ quan có liên quan v ậ các ấ u ki ậ n quy ấ nh t ậ i kho ậ n 2 ấ u 9 c ậ a ấ u l ậ này.

4. Tr ị ng t ậ , th ậ t ậ c cho phép nhà tr ị ng ho ậ t ấ ng giáo d ậ c:

a) Tr ị ng trung h ậ c công l ậ p, ấ i ấ n c ậ a t ậ ch ậ c ho ậ c cá nh ấ i v ậ i tr ị ng trung h ậ c t ậ c có trách nh ậ m l ậ p h ậ s ấ ng ậ cho phép ho ậ t ấ ng giáo d ậ c theo quy ấ nh t ậ i kho ậ n 3 c ậ a ấ u này;

b) Phòng giáo d ậ c và ầ o t ậ o (ấ i v ậ i tr ị ng THCS và tr ị ng ph ậ thông có nh ậ u c ậ p h ậ c có c ậ p h ậ c cao nh ậ t là THCS), s ậ giáo d ậ c và ầ o t ậ o (ấ i v ậ i tr ị ng THPT và tr ị ng ph ậ thông có nh ậ u c ậ p h ậ c có c ậ p h ậ c cao nh ậ t là THPT) nh ậ n h ậ s ậ , xem xét ấ u ki ậ n ấ ấ c cho phép ho ậ t ấ ng giáo d ậ c quy ấ nh t ậ i kho ậ n 2 ấ u 9 c ậ a ấ u l ậ này. Trong th ậ i h ậ n 20 ngày làm vi ậ c k ậ t ậ ngày nh ậ n ấ h ậ s ậ h ậ p l ậ , Tr ị ng phòng giáo d ậ c và ầ o t ậ o (ấ i v ậ i tr ị ng THCS và tr ị ng ph ậ thông có nh ậ u c ậ p h ậ c có c ậ p h ậ c cao nh ậ t là THCS), Giám ấ c s ậ giáo d ậ c và ầ o t ậ o (ấ i v ậ i tr ị ng THPT và tr ị ng ph ậ thông có nh ậ u c ậ p h ậ c có c ậ p h ậ c cao nh ậ t là THPT) ra quy ậ t ấ nh cho phép nhà tr ị ng t ậ ch ậ c ho ậ t ấ ng giáo d ậ c. Tr ị ng h ậ p ch ậ a quy ậ t ấ nh cho phép ho ậ t ấ ng giáo d ậ c, c ậ quan có th ậ m quy ậ n cho phép ho ậ t ấ ng giáo d ậ c có văn b ậ n thông báo cho tr ị ng bi ậ t rõ lí do và h ậ ng gi ậ i quy ậ t.

ấ u 12. S ậ nh ậ p, chia, tách tr ị ng trung h ậ c

1. Vi ậ c s ậ nh ậ p, chia, tách tr ị ng ph ậ i ấ m b ậ o các y ậ u c ậ u sau:

a) Phù h ậ p v ậ i quy ho ậ ch m ậ ng l ậ i giáo d ậ c và ấ p ậ ng y ậ u c ậ u phát tri ậ n kinh t ậ - xã h ậ i c ậ a ấ a ph ậ ng;

b) Báo động quy định nội dung của cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

c) Báo động an toàn và quy định nội dung của học sinh, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

2. Công có thể quy định quy tắc để thành lập hoặc cho phép thành lập thì có thể quy định quy tắc để sáp nhập, chia, tách trường. Trường hợp sáp nhập giữa các trường không do cùng một công có thể quy định thành lập thì công có thể quy định cao hơn quy tắc để; trường hợp công có thể quy định thành lập ngang nhau thì công có thể quy định ngang nhau đó là thu nhập quy tắc để.

3. Học sinh, trình độ và thời gian sáp nhập, chia, tách trường để thành lập hoặc cho phép thành lập trường mới tuân theo các quy định tại Điều 11 của Điều lệ này.

Điều 13. Đình chỉ hoạt động giáo dục của trường trung học

1. Việc đình chỉ hoạt động giáo dục của trường trung học được thực hiện khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Có hành vi gian lận để được cho phép hoạt động giáo dục;

b) Không báo động một trong các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ này;

c) Người cho phép hoạt động giáo dục không đúng thẩm quyền;

d) Không triển khai hoạt động giáo dục trong thời hạn 01 năm kể từ ngày được phép hoạt động giáo dục;

đ) Vi phạm quy định của pháp luật về giáo dục bêu xấu phẩm hạnh chính của mình đối với đình chi;

e) Vi phạm nghiêm trọng các quy định về mục tiêu, kế hoạch, chất lượng giáo dục, quy chế chuyên môn, quy chế thi cử;

f) Các trường hợp vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

2. Người có thẩm quyền cho phép hoạt động giáo dục thì có thẩm quyền quy định đình chi hoạt động giáo dục của nhà trường. Quyết định đình chi hoạt động giáo dục của nhà trường phải xác định rõ lý do đình chi hoạt động giáo dục, thời hạn đình chi; các biện pháp để bồi dưỡng lại các giáo viên, nhân viên, học sinh và người lao động trong trường. Quyết định đình chi hoạt động giáo dục của trường phải được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3. Trình tự, thủ tục đình chi hoạt động giáo dục của trường trung học:

a) Khi trường trung học vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này, phòng giáo dục và đào tạo (đối với trường THCS và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS), sở giáo dục và đào tạo (đối với trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THPT) tiến hành kiểm tra, đánh giá mức độ vi phạm;

b) Trường phòng giáo dục và đào tạo (đối với trường trung học do Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định thành lập), Giám đốc sở giáo dục và đào tạo (đối với trường trung học do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định thành lập) căn cứ mức độ vi phạm, ra quyết định đình chi hoạt động giáo dục của trường và báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường.

c) Sau thời hạn đình chi, nếu nguyên nhân dẫn đến việc đình chi được khắc phục và đơn vị bị đình chi có hồ sơ đề nghị được hoạt động giáo dục trở lại (thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này) thì người có thẩm quyền quy định đình chi ra quyết định cho phép nhà trường hoạt động giáo dục trở lại. Trong trường hợp cho phép hoạt động giáo dục trở

lễ thì người có thẩm quyền quyết định đình chỉ hoạt động giáo dục có văn bản thông báo cho trường biết rõ lý do và hướng giải quyết.

4. Hội đồng đình chỉ hoạt động giáo dục:

a) Quyết định thành lập đoàn kiểm tra;

b) Biên bản kiểm tra;

c) Quyết định đình chỉ hoạt động giáo dục.

Điều 14. Giải thể trường trung học

1. Trường trung học bị giải thể khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm nghiêm trọng các quy định về quản lý, tài chính, hoạt động của nhà trường;

b) Hoạt động của hội đồng đình chỉ hoạt động giáo dục mà không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ;

c) Mất tiêu, nội dung hoạt động trong quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường không còn phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

d) Theo đề nghị của tài chính, cá nhân thành lập trường.

2. Công có thể quy định quy định để thành lập hoặc cho phép thành lập thì có thể quy định quy định để ghi tên nhà trường.

3. Phòng giáo dục và đào tạo (đối với trường trung học do Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định thành lập); sở giáo dục và đào tạo (đối với trường trung học do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định thành lập); tổ chức, cá nhân thành lập trường (đối với trường trung học tư thục) xây dựng phôi nhúng án ghi tên nhà trường, trình cơ quan có thể quy định ra quyết định ghi tên nhà trường. Quyết định ghi tên nhà trường phải xác định rõ lý do ghi tên; các biện pháp đảm bảo quy định của giáo viên, nhân viên và học sinh. Quyết định ghi tên nhà trường phải được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

4. Trình tự, thủ tục ghi tên trường trung học:

a) Phòng giáo dục và đào tạo (đối với trường THCS và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS), sở giáo dục và đào tạo (đối với trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THPT) tổ chức kiểm tra, đánh giá mức độ vì phạm theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 của Điều lệ này hoặc xem xét đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường; báo cáo bằng văn bản đề nghị cơ quan có thể quy định thành lập hoặc cho phép thành lập trường ra quyết định ghi tên nhà trường.

b) Cơ quan có thể quy định thành lập hoặc cho phép thành lập trường ra quyết định ghi tên nhà trường trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Hồ sơ ghi tên nhà trường:

a) Trường trung học ghi tên theo điểm a, điểm d khoản 1 Điều lệ này, hồ sơ gồm:

- Tờ trình xin ghi tên của tổ chức, cá nhân hoặc chủ tịch xã vì phạm điểm a khoản 1 Điều lệ này;
- Quyết định thành lập đoàn kiểm tra;

- Biên bản kiểm tra;

- Trình tự nghi lễ thi của phòng giáo dục và đào tạo (đối với trường THCS và trường phổ thông có nội dung cấp học có cấp học cao nhất là THCS), sở giáo dục và đào tạo (đối với trường THPT và trường phổ thông có nội dung cấp học có cấp học cao nhất là THPT).

b) Trường trung học ghi thi theo điểm b, điểm c khoản 1 Điều này, hồ sơ gồm:

- Hồ sơ định chế hoạt động giáo dục;

- Các văn bản và việc không thực hiện được nguyên nhân báo định chế hoạt động giáo dục;

- Trình tự nghi lễ thi của phòng giáo dục và đào tạo (đối với trường THCS và trường phổ thông có nội dung cấp học có cấp học cao nhất là THCS), sở giáo dục và đào tạo (đối với trường THPT và trường phổ thông có nội dung cấp học có cấp học cao nhất là THPT).

Điều 15. Lập, tổ chức sinh

1. Lập

a) Học sinh được tổ chức theo lớp. Mỗi lớp có từ 15 đến 25 học sinh do tập thể lớp bầu ra vào đầu mỗi năm học;

b) Mỗi lớp các cấp THCS và THPT có không quá 45 học sinh;

c) S h c sinh trong m i l p c a tr ng chuyên bi t đ c quy đ nh trong quy ch t ch c và ho t đ ng c a tr ng chuyên bi t.

2. M i l p đ c chia thành nhi u t h c sinh. M i t không quá 12 h c sinh, có t tr ng, 1 t phó do các thành viên c a t b u ra vào đ u m i năm h c.

Đi u 16. T chuyên môn

1. Hi u tr ng, các Phó Hi u tr ng, giáo viên, viên ch c làm công tác th vi n, thi t b giáo d c, cán b làm công tác t v n cho h c sinh c a tr ng trung h c đ c t ch c thành t chuyên môn theo môn h c, nhóm môn h c ho c nhóm các ho t đ ng t ng c p h c THCS, THPT. M i t chuyên môn có t tr ng, t 1 đ n 2 t phó ch u s qu n lý ch đ o c a Hi u tr ng, do Hi u tr ng b nhi m trên c s gi i thi u c a t chuyên môn và giao nhi m v vào đ u năm h c.

2. T chuyên môn có nh ng nhi m v sau:

a) Xây d ng và th c hi n k ho ch ho t đ ng chung c a t , h ng d n xây d ng và qu n lý k ho ch cá nhân c a t viên theo k ho ch d y h c, phân ph i ch ng trình và các ho t đ ng giáo d c khác c a nhà tr ng;

b) T ch c b i d ng chuyên môn và nghi p v ; tham gia đánh giá, x p lo i các thành viên c a t theo quy đ nh c a Chu n ngh nghi p giáo viên trung h c và các quy đ nh khác hi n hành;

c) Gi i thi u t tr ng, t phó;

d) Đ xu t khen th ng, k lu t đ i v i giáo viên.

3. Trường chuyên môn sinh hoạt hai tuần một lần và có thể họp đột xuất theo yêu cầu công việc hay khi Hiệu trưởng yêu cầu.

Điều 17. Tổ Văn phòng

1. Mỗi trường trung học có một tổ Văn phòng, gồm viên chức làm công tác văn thư, kế toán, thủ quỹ, y tế trường học và nhân viên khác.

2. Tổ Văn phòng có tổ trưởng và tổ phó, do Hiệu trưởng bổ nhiệm và giao nhiệm vụ.

3. Tổ Văn phòng sinh hoạt hai tuần một lần và các sinh hoạt khác khi có nhu cầu công việc hay khi Hiệu trưởng yêu cầu.

Điều 18. Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng

1. Mỗi trường trung học có Hiệu trưởng và một số Phó Hiệu trưởng. Nhiệm kỳ của Hiệu trưởng là 5 năm, thời gian đếm nhậm chức với Hiệu trưởng không quá 2 nhiệm kỳ ở một trường trung học.

2. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phải có các tiêu chuẩn sau:

a) Về trình độ đào tạo và thời gian công tác: phải đạt trình độ chuẩn để đào tạo cấp nhà giáo theo quy định của Luật Giáo dục đối với cấp học, đạt trình độ chuẩn để đào tạo ở cấp học cao nhất đối với trường phổ thông có nhiệm vụ cấp học và đã dạy học ít nhất 5 năm (hoặc 4 năm đối với miền núi, hải đảo, vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn) ở cấp học đó;

b) Hiệu trưởng phải đạt tiêu chuẩn quy định tại Chuẩn hiệu trưởng trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiệm vụ cấp học. Phó Hiệu trưởng phải đạt mức cao cấp chuẩn

ng h ồ nghi ồ p giáo viên c ầ p h ầ c t ườ ng ườ ng và đ ầ n ắ ng l ầ c đ ầ m nhi ồ m các nhi ồ m v ầ do Hi ồ u tr ườ ng phân công.

3. Th ầ m quy ầ n b ầ nhi ồ m ho ầ c công nh ầ n Hi ồ u tr ườ ng, Phó Hi ồ u tr ườ ng tr ườ ng trung h ầ c:

Tr ườ ng phòng giáo d ầ c và đào t ầ o (đ ầ i v ầ i tr ườ ng THCS và tr ườ ng ph ầ thông có nhi ồ u c ầ p h ầ c có c ầ p h ầ c cao nh ầ t là THCS), Giám đ ầ c s ầ giáo d ầ c và đào t ầ o (đ ầ i v ầ i tr ườ ng THPT và tr ườ ng ph ầ thông có nhi ồ u c ầ p h ầ c có c ầ p h ầ c cao nh ầ t là THPT) ra quy ầ t đ ầ nh b ầ nhi ồ m Hi ồ u tr ườ ng, Phó Hi ồ u tr ườ ng đ ầ i v ầ i tr ườ ng công l ầ p, công nh ầ n Hi ồ u tr ườ ng, Phó Hi ồ u tr ườ ng đ ầ i v ầ i tr ườ ng t ầ th ầ c sau khi th ầ c hi ầ n các quy trình b ầ nhi ồ m cán b ầ theo quy đ ầ nh hi ầ n hành c ầ a Nhà n ầ c. N ầ u nhà tr ườ ng đã có H ầ i đ ầ ng tr ườ ng, quy trình b ầ nhi ồ m ho ầ c công nh ầ n Hi ồ u tr ườ ng, Phó Hi ồ u tr ườ ng đ ầ c th ầ c hi ầ n trên c ầ s ầ gi ầ i thi ồ u c ầ a H ầ i đ ầ ng tr ườ ng.

4. Ng ườ i có th ầ m quy ầ n b ầ nhi ồ m thì có quy ầ n b ầ nhi ồ m l ầ i, mi ầ n nhi ồ m Hi ồ u tr ườ ng, Phó Hi ồ u tr ườ ng tr ườ ng trung h ầ c.

Điề u 19. Nhi ồ m v ầ và quy ầ n h ầ n c ầ a Hi ồ u tr ườ ng, Phó Hi ồ u tr ườ ng

1. Nhi ồ m v ầ và quy ầ n h ầ n c ầ a Hi ồ u tr ườ ng

a) Xây d ầ ng, t ầ ch ầ c b ầ máy nhà tr ườ ng;

b) Th ầ c hi ầ n các quy ầ t ngh ầ c ầ a H ầ i đ ầ ng tr ườ ng đ ầ c quy đ ầ nh t ầ i kho ầ n 3 Điề u 20 c ầ a Điề u l ầ này;

c) Xây d ầ ng quy ho ầ ch phát tri ầ n nhà tr ườ ng; xây d ầ ng và t ầ ch ầ c th ầ c hi ầ n k ầ ho ầ ch nhi ồ m v ầ n ầ m h ầ c; báo cáo, đánh giá k ầ t qu ầ th ầ c hi ầ n tr ầ c H ầ i đ ầ ng tr ườ ng và các c ầ p có th ầ m quy ầ n;

d) Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tổ v n trong nhà trường; b nhi m t tr ng, t phó; đ x t các thành viên c a Hội đồng tr ng trình c p có th m quy n quy t đ nh;

đ) Qu n lý giáo viên, nhân viên; qu n lý chuyên môn; phân công công tác, ki m tra, đánh giá x p lo i giáo viên, nhân viên; th c hi n công tác khen th ng, k lu t đ i v i giáo viên, nhân viên; th c hi n vi c tuy n d ng giáo viên, nhân viên; ký h p đ ng lao đ ng; ti p nh n, đ i u đ ng giáo viên, nhân viên theo quy đ nh c a Nhà n c;

e) Qu n lý h c sinh và các ho t đ ng c a h c sinh do nhà trường t ch c; xét duy t k t qu đánh giá, x p lo i h c sinh, ký xác nh n h c b , ký xác nh n hoàn thành ch ng trình ti u h c cho h c sinh ti u h c (n u có) c a trường ph thông có nhi u c p h c và quy t đ nh khen th ng, k lu t h c sinh;

g) Qu n lý tài chính, tài s n c a nhà trường;

h) Th c hi n các ch đ chính sách c a Nhà n c đ i v i giáo viên, nhân viên, h c sinh; t ch c th c hi n quy ch dân ch trong ho t đ ng c a nhà trường; th c hi n công tác xã h i hoá giáo d c c a nhà trường;

i) Ch đ o th c hi n các phong trào thi đua, các cu c v n đ ng c a ngành; th c hi n công khai đ i v i nhà trường;

k) Đ c đào t o nâng cao trình đ , b i d ng chuyên môn, nghi p v và h ng các ch đ , chính sách theo quy đ nh c a pháp lu t.

2. Nhi m v và quy n h n c a Phó Hi u tr ng

a) Th c hi n và ch u trách nhi m tr c Hi u tr ng v nhi m v đ c Hi u tr ng phân công;

b) Cùng v i Hi u tr ng ch u trách nhi m tr c c p trên v ph n vi c đ c giao;

c) Thay m t Hi u tr ng đ u hành ho t đ ng c a nhà tr ng khi đ c Hi u tr ng u quy n;

d) Đ c đào t o nâng cao trình đ , b i d ng chuyên môn, nghi p v và h ng các ch đ , chính sách theo quy đ nh c a pháp lu t.

Đi u 20. H i đ ng tr ng

1. H i đ ng tr ng đ i v i tr ng trung h c công l p, H i đ ng qu n tr đ i v i tr ng trung h c t th c (sau đây g i chung là H i đ ng tr ng) là t ch c ch u trách nhi m quy t đ nh v ph ng h ng ho t đ ng c a nhà tr ng, huy đ ng và giám sát vi c s d ng các ngu n l c dành cho nhà tr ng, g n nhà tr ng v i c ng đ ng và xã h i, b o đ m th c hi n m c tiêu giáo d c.

2. C c u t ch c c a H i đ ng tr ng trung h c công l p:

H i đ ng tr ng g m: đ i di n t ch c Đ ng C ng s n Vi t Nam, Ban giám hi u nhà tr ng, đ i di n Công đoàn, đ i di n Đoàn Thanh niên C ng s n H Chí Minh (n u có), đ i di n các t chuyên môn, đ i di n t Văn phòng.

H i đ ng tr ng có Ch t ch, 1 th i ký và các thành viên khác. T ng s thành viên c a H i đ ng tr ng t 9 đ n 13 ng i.

3. Nhi m v và quy n h n c a H i đ ng tr ng trung h c công l p:

a) Quy t ngh v m c tiêu, chi n l c, các d án, k ho ch và ph ng h ng phát tri n c a nhà tr ng;

b) Quy t ngh v quy ch ho c s a đ i, b sung quy ch t ch c và ho t đ ng c a nhà tr ng đ trình c p có th m quy n phê duy t;

c) Quy t ngh v ch tr ng s đ ng tài chính, tài s n c a nhà tr ng;

d) Giám sát vi c th c hi n các quy t ngh c a H i đ ng tr ng, vi c th c hi n quy ch dân ch trong các ho t đ ng c a nhà tr ng; giám sát các ho t đ ng c a nhà tr ng.

4. Ho t đ ng c a H i đ ng tr ng trung h c công lp:

a) H i đ ng tr ng h p th ng k ít nh t ba l n trong m t năm. Trong tr ng h p c n thi t, khi Hi u tr ng ho c ít nh t m t ph n ba s thành viên H i đ ng tr ng đ ngh , Ch t ch H i đ ng tr ng có quy n tri u t p phiên h p b t th ng đ gi i quy t nh ng v n đ phát sinh trong quá trình th c hi n nhi m v và quy n h n c a nhà tr ng. Ch t ch H i đ ng tr ng có th m i đ i di n Ban đ i di n cha m h c sinh c a tr ng, đ i di n chính quy n và đoàn th đ a ph ng tham d cu c h p c a H i đ ng tr ng khi c n thi t.

b) Phiên h p H i đ ng tr ng đ c coi là h p l khi có m t t ba ph n t s thành viên c a H i đ ng tr lên (trong đó có Ch t ch H i đ ng). Quy t ngh c a H i đ ng tr ng đ c thông qua b ng bi u quy t ho c l y ý ki n b ng văn b n t i cu c h p và ch có hi u l c khi đ c ít nh t hai ph n ba s thành viên có m t t i cu c h p nh t trí. Quy t ngh c a H i đ ng tr ng đ c công b công khai.

c) Hi u tr ng nhà tr ng có trách nhi m th c hi n các quy t ngh c a H i đ ng tr ng v nh ng n i dung đ c quy đ nh t i kho n 3 c a Đ i u này. N u Hi u tr ng không nh t trí v i quy t ngh c a H i đ ng tr ng ph i k p th i báo cáo xin ý ki n c quan qu n lý giáo d c c p trên tr c ti p c a nhà tr ng. Trong th i gian ch ý ki n c a c quan có th m quy n, Hi u tr ng v n ph i th c hi n theo quy t ngh c a H i đ ng tr ng đ i v i nh ng v n đ không trái v i pháp lu t hi n hành và Đ i u l này.

5. Thành lập Hội đồng trường trung học công lập:

Căn cứ các quy định, nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động của Hội đồng trường, Hội đồng trường lập danh sách nhân sự do tập thể giáo viên và các tổ chức, đoàn thể nhà trường giới thiệu, làm tờ trình đồng ý. Trường phòng giáo dục và đào tạo (đối với trường THCS và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS), Giám đốc sở giáo dục và đào tạo (đối với trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học cao nhất là THPT) ra quyết định thành lập Hội đồng trường.

Chủ tịch Hội đồng trường do các thành viên của Hội đồng bầu; thẩm ký do Chủ tịch Hội đồng chấp thuận.

Nhiệm kỳ của Hội đồng trường là 5 năm. Hàng năm, nếu có yêu cầu đột xuất về việc thay đổi nhân sự, Hội đồng làm văn bản đồng ý đồng ý có thẩm quyền ra quyết định bổ sung, miễn toàn Hội đồng trường.

6. Nhiệm vụ, quyền hạn, thành lập, các quy định chức năng và hoạt động của Hội đồng trường của trường tổ chức đồng ý theo Quy định tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tổ chức.

Điều 21. Các hội đồng khác trong nhà trường

1. Hội đồng thi đua và khen thưởng

Hội đồng thi đua khen thưởng đồng ý thành lập vào đầu mỗi năm học để giúp Hội đồng trường tổ chức các phong trào thi đua, đồng ý danh sách khen thưởng đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh trong nhà trường. Hội đồng thi đua khen thưởng do Hội đồng trường thành lập và làm Chủ tịch. Các thành viên của Hội đồng gồm: Phó Hội đồng trường, Bí thư cấp ủy Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (nếu có), Trường

ph ậ tr ậ ch Đ ậ i Thi ậ u ni ậ n Ti ậ n phong H ậ Chí Minh (n ậ u có), t ậ tr ị ng t ậ chuyên môn, t ậ tr ị ng t ậ văn phòng và các giáo viên ch ậ nhi ậ m l ậ p.

2. H ậ i đ ậ ng k ậ lu ậ t

a) H ậ i đ ậ ng k ậ lu ậ t đ ậ c thành l ậ p đ ậ xét ho ậ c xo ậ k ậ lu ậ t đ ậ i v ậ i h ậ c sinh theo t ậ ng v ậ vi ậ c. H ậ i đ ậ ng k ậ lu ậ t do Hi ậ u tr ị ng quy ậ t đ ậ nh thành l ậ p và làm Ch ậ t ậ ch. Các thành viên c ậ a H ậ i đ ậ ng g ậ m: Phó Hi ậ u tr ị ng, Bí th ậ Đoàn Thanh niên C ậ ng s ậ n H ậ Chí Minh (n ậ u có), T ậ ng ph ậ tr ậ ch Đ ậ i Thi ậ u ni ậ n Ti ậ n phong H ậ Chí Minh (n ậ u có), giáo viên ch ậ nhi ậ m l ậ p có h ậ c sinh ph ậ m l ậ i, m ậ t s ậ giáo viên có kinh nghi ậ m giáo d ậ c và Tr ị ng ban đ ậ i di ậ n cha m ậ h ậ c sinh c ậ a tr ị ng;

b) H ậ i đ ậ ng k ậ lu ậ t đ ậ c thành l ậ p đ ậ xét và đ ậ ngh ậ x ậ lí k ậ lu ậ t đ ậ i v ậ i cán b ậ , giáo viên, viên ch ậ c khác theo t ậ ng v ậ vi ậ c. Vi ậ c thành l ậ p, thành ph ậ n và ho ậ t đ ậ ng c ậ a H ậ i đ ậ ng này đ ậ c th ậ c hi ậ n theo quy đ ậ nh c ậ a pháp lu ậ t.

3. Hi ậ u tr ị ng có th ậ thành l ậ p các h ậ i đ ậ ng t ậ v ậ n khác theo yêu c ậ u c ậ th ậ c ậ a t ậ ng công vi ậ c. Nhi ậ m v ậ , thành ph ậ n và th ậ i gian ho ậ t đ ậ ng c ậ a các h ậ i đ ậ ng này do Hi ậ u tr ị ng quy đ ậ nh.

Điề u 22. T ậ ch ậ c Đ ậ ng C ậ ng s ậ n Vi ậ t Nam và các đoàn th ậ trong nhà tr ị ng

1. T ậ ch ậ c Đ ậ ng C ậ ng s ậ n Vi ậ t Nam trong nhà tr ị ng lãnh đ ậ o nhà tr ị ng và ho ậ t đ ậ ng trong khuôn kh ậ Hi ậ n pháp và pháp lu ậ t.

2. Công đoàn, Đoàn thanh niên C ậ ng s ậ n H ậ Chí Minh, Đ ậ i Thi ậ u ni ậ n Ti ậ n phong H ậ Chí Minh và các t ậ ch ậ c xã h ậ i khác trong nhà tr ị ng ho ậ t đ ậ ng theo quy đ ậ nh c ậ a pháp lu ậ t nh ậ m giúp nhà tr ị ng th ậ c hi ậ n m ậ c tiêu, nguyên lý giáo d ậ c.

Điề u 23. Qu ậ n lý tài s ậ n, tài chính

Vi ̣c qu ̣n lý tài chính, tài s ̣n c ̣a nhà tr ̣ng ph ̣i tuân theo các quy đ ̣nh c ̣a pháp lu ̣t và các quy đ ̣nh c ̣a B ̣ Tài chính và B ̣ Giáo d ̣c và Đ ̣o t ̣o; m ̣i thành viên c ̣a tr ̣ng có trách nhi ̣m b ̣o v ̣ tài s ̣n nhà tr ̣ng.

Ch ̣ng III

CH ̣NG TRÌNH VÀ CÁC HO ̣T Đ ̣NG GIÁO D ̣C

Điề u 24. Ch ̣ng trình giáo d ̣c

1. Tr ̣ng trung h ̣c th ̣c hi ̣n ch ̣ng trình giáo d ̣c, k ̣ ho ̣ch d ̣y h ̣c do B ̣ tr ̣ng B ̣ Giáo d ̣c và Đ ̣o t ̣o ban hành; th ̣c hi ̣n k ̣ ho ̣ch th ̣i gian năm h ̣c theo h ̣ng đ ̣n c ̣a B ̣ Giáo d ̣c và Đ ̣o t ̣o phù h ̣p v ̣i đ ̣u ki ̣n c ̣a th ̣ c ̣a đ ̣a ph ̣ng.

2. Căn c ̣ ch ̣ng trình giáo d ̣c và k ̣ ho ̣ch th ̣i gian năm h ̣c, nhà tr ̣ng xây d ̣ng k ̣ ho ̣ch và th ̣i khoá bi ̣u đ ̣ đ ̣i u hành ho ̣t đ ̣ng giáo d ̣c, d ̣y h ̣c.

4. H ̣c sinh khuy ̣t t ̣t h ̣c hòa nh ̣p đ ̣ c th ̣c hi ̣n k ̣ ho ̣ch d ̣y h ̣c linh ho ̣t phù h ̣p v ̣i kh ̣ năng c ̣a t ̣ng cá nhân và Quy đ ̣nh v ̣ giáo d ̣c hòa nh ̣p dành cho ng ̣i khuy ̣t t ̣t.

Điề u 25. Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài t ̣p, thi ̣t b ̣ d ̣y h ̣c và tài li ̣u tham kh ̣o

1. Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài t ̣p và thi ̣t b ̣ d ̣y h ̣c s ̣ đ ̣ng trong gi ̣ng d ̣y và h ̣c t ̣p t ̣i tr ̣ng trung h ̣c do B ̣ tr ̣ng B ̣ Giáo d ̣c và Đ ̣o t ̣o quy đ ̣nh.

2. Nhà tr ̣ng trang b ̣ tài li ̣u tham kh ̣o ph ̣c v ̣ cho ho ̣t đ ̣ng gi ̣ng d ̣y và nghi ̣n c ̣u c ̣a giáo viên; khuy ̣n khích giáo viên s ̣ đ ̣ng tài li ̣u tham kh ̣o đ ̣ nâng cao ch ̣t l ̣ng d ̣y h ̣c. M ̣i t ̣ ch ̣c, cá nhân không đ ̣ c ép bu ̣c h ̣c sinh ph ̣i mua tài li ̣u tham kh ̣o.

Điề u 26. Các ho ặ t đ ị ng giá o d ị c

1. Các ho ặ t đ ị ng giá o d ị c bao g ồ m ho ặ t đ ị ng trong gi ờ l ậ p và ho ặ t đ ị ng ngoà i gi ờ l ậ p nh ằ m gi úp h ọ c sinh phát tri ệ n toàn di ệ n v ề đ ồ o đ ị c, trí tu ệ , th ậ ch ậ t, th ậ m m ậ và các k ặ năng c ộ b ộ n, phát tri ệ n năng l ậ cá nh ậ, t ậ năng đ ị ng và sáng t ậ o, x ậ đ ị ng t ậ cách và trách nh ậ m công d ậ n; chu ậ n b ậ cho h ọ c sinh t ậ p t ậ c h ọ c l ậ n ho ặ c đ ị vào cu ộ c s ộ ng lao đ ị ng.

2. Ho ặ t đ ị ng giá o d ị c trong gi ờ l ậ p đ ị c t ậ n hành th ộ ng qua vi ệ c đ ậ y h ọ c các m ộ n h ọ c b ậ t bu ậ c và t ậ ch ậ n trong ch ộ ng tr ộ ng giá o d ị c c ộ a c ộ p h ọ c do B ộ tr ị ng B ộ Giá o d ị c và Đ ậ o t ậ o ban hành.

3. Ho ặ t đ ị ng giá o d ị c ngoà i gi ờ l ậ p bao g ồ m các ho ặ t đ ị ng ngo ậ i khoá v ề khoa h ọ c, văn h ọ c, ngh ệ thu ậ t, th ậ đ ị c th ậ thao, an toàn giao th ộ ng, phòng ch ậ ng t ậ n ậ n x ậ h ậ i, giá o d ị c gi ậ i t ậ t, giá o d ị c pháp lu ậ t, giá o d ị c h ộ ng ngh ậ p, giá o d ị c k ặ năng s ộ ng nh ằ m phát tri ệ n toàn di ệ n và b ậ i đ ậ ng năng khi ậ u; các ho ặ t đ ị ng vui ch ậ i, tham quan, du l ậ ch, giao l ậ u văn hoá, giá o d ị c môi tr ộ ng; ho ặ t đ ị ng t ậ thi ậ n và các ho ặ t đ ị ng x ậ h ậ i khác phù h ộ p v ề đ ị c đ ị m tâm sinh lý l ậ a tu ậ i h ọ c sinh.

Điề u 27. H ậ th ộ ng h ậ s ậ , s ậ sách v ề ho ặ t đ ị ng giá o d ị c

H ậ th ộ ng h ậ s ậ , s ậ sách theo d ộ i ho ặ t đ ị ng giá o d ị c trong tr ộ ng g ồ m:

1. Đ ậ i v ề i nh ậ tr ộ ng:

a) S ậ đ ậ ng b ậ ;

b) S ậ theo d ộ i h ọ c sinh chuy ậ n đ ị , chuy ậ n đ ị n;

c) S theo dõi ph c p giáo d c;

d) S g i tên và ghi đi m;

đ) S ghi đ u bài;

e) H c b h c sinh;

g) S qu n lý c p phát văn b ng, ch ng ch ;

h) S ngh quy t c a nhà tr ng và ngh quy t c a H i đ ng tr ng;

i) H s thi đua;

k) H s ki m tra, đánh giá giáo viên và nhân viên;

l) H s k lu t;

m) S qu n lý và h s l u tr các văn b n, công văn đi, đ n;

n) S qu n lý tài s n, thi t b giáo d c;

o) S qu n lý tài chính;

p) Học sinh quản lý thời gian;

q) Học sinh theo dõi sức khỏe học sinh;

r) Học sinh giáo dục đời sống học sinh khuyến khích (nếu có).

2. Đối với tổ chuyên môn: Sơ ghi kế hoạch hoạt động chuyên môn và nội dung các cuộc họp chuyên môn.

3. Đối với giáo viên:

a) Giáo án (bài soạn);

b) Sơ ghi kế hoạch giảng dạy và ghi chép sinh hoạt chuyên môn, đồng nghiệp, thăm lớp;

c) Sơ điểm cá nhân;

d) Sơ chỉ nhiệm (đối với giáo viên làm công tác chỉ nhiệm lớp).

Điều 28. Đánh giá kết quả học tập của học sinh

1. Học sinh được kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện theo Quy chế đánh giá và xếp loại học sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

đ p c a nhà tr ng, huy đ ng các ngu n l c đ giúp đ nhà tr ng trong vi c th c hi n m c tiêu, nguyên lý giáo d c.

Ch ng IV

GIÁO VIÊN

Điề u 30. Giáo viên tr ng trung h c

Giáo viên tr ng trung h c là ngu i làm nhi m v gi ng d y, giáo d c trong nhà tr ng, g m: Hi u tr ng, Phó Hi u tr ng, giáo viên b môn, giáo viên làm công tác Đoàn thanh niên C ng s n H Chí Minh (bí th , phó bí th ho c tr lý thanh niên, c v n Đoàn), giáo viên làm t ng ph trách Đ i Thi u niên Ti n phong H Chí Minh (đ i v i tr ng trung h c có c p ti u h c ho c c p THCS), giáo viên làm công tác t v n cho h c sinh.

Điề u 31. Nhi m v c a giáo viên tr ng trung h c

1. Giáo viên b môn có nh ng nhi m v sau đây:

a) D y h c và giáo d c theo ch ng trình, k ho ch giáo d c, k ho ch d y h c c a nhà tr ng theo ch đ làm vi c c a giáo viên do B tr ng B Giáo d c và Đào t o quy đ nh; qu n lý h c sinh trong các ho t đ ng giáo d c do nhà tr ng t ch c; tham gia các ho t đ ng c a t chuyên môn; ch u trách nhi m v ch t l ng, hi u qu giáo d c; tham gia nghiên c u khoa h c s ph m ng d ng;

b) Tham gia công tác ph c p giáo d c đ a ph ng;

c) Rèn luy n đ o đ c, h c t p văn hoá, b i d ng chuyên môn, nghi p v đ nâng cao ch t l ng, hi u qu gi ng d y và giáo d c; v n d ng các ph ng pháp d y h c theo h ng phát huy tính tích c c, ch đ ng và sáng t o, rèn luy n ph ng pháp t h c c a h c sinh;

d) Thực hiện Điều lệ nhà trường; thực hiện quy định của Hội đồng trường, chủ tịch kiểm tra, đánh giá của Hội đồng trường và các cấp quản lý giáo dục;

đ) Giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo, giáo viên mẫu mực học sinh; thực hiện yêu cầu trường học sinh, đội xã công bằng với học sinh, báo cáo các quy định và lợi ích chính đáng của học sinh; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp; tạo môi trường học tập và làm việc dân chủ, thân thiện, hợp tác, an toàn và lành mạnh;

e) Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, các giáo viên khác, gia đình học sinh, Đoàn Thanh niên Công xã hội Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh trong dạy học và giáo dục học sinh;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Giáo viên chủ nhiệm, ngoài các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 của Điều này, còn có những nhiệm vụ sau đây:

a) Xây dựng kế hoạch các hoạt động giáo dục theo hướng rõ ràng, nội dung, phương pháp giáo dục báo cáo tính khả thi, phù hợp với đặc điểm học sinh, với hoàn cảnh và điều kiện thực tế nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của cá nhân và cộng đồng học sinh;

b) Thực hiện các hoạt động giáo dục theo kế hoạch đã xây dựng;

c) Phối hợp chặt chẽ với gia đình học sinh, với các giáo viên bộ môn, Đoàn thanh niên Công xã hội Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, các tổ chức xã hội có liên quan trong việc học tập, giám sát việc học tập, rèn luyện, hình thành nếp sống của học sinh lập mình chủ nhiệm và góp phần huy động các nguồn lực trong cộng đồng phát triển nhà trường;

d) Nhận xét, đánh giá và xếp loại học sinh cuối kỳ và cuối năm học; đề nghị khen thưởng và kỷ luật học sinh; đề nghị danh sách học sinh được lên lớp tiếp theo, phải kiểm tra lại, phải rèn luyện thêm và học sinh kiểm tra trong kỳ nghỉ hè, phải lập lại lớp; hoàn chỉnh hồ sơ điểm và học bạ học sinh;

đ) Báo cáo trường học học đợt xuất và tình hình của lớp với Hiệu trưởng.

3. Giáo viên tham gia giảng dạy cũng phải thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này và các quy định trong hợp đồng giảng dạy.

4. Giáo viên làm công tác Đoàn thanh niên Công sở Hố Chí Minh là giáo viên trung học được bồi dưỡng về công tác Đoàn thanh niên Công sở Hố Chí Minh; có nhiệm vụ tổ chức, quản lý các hoạt động của tổ chức Đoàn trong nhà trường.

5. Giáo viên làm công tác phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hố Chí Minh là giáo viên THCS được bồi dưỡng về công tác Đội Thiếu niên Tiền phong Hố Chí Minh; có nhiệm vụ tổ chức, quản lý các hoạt động của tổ chức Đội trong nhà trường.

6. Giáo viên làm công tác tư vấn cho học sinh là giáo viên trung học được đào tạo hoặc bồi dưỡng về nghiệp vụ tư vấn; có nhiệm vụ tư vấn cho cha mẹ học sinh và học sinh để giúp các em vượt qua những khó khăn gặp phải trong học tập và sinh hoạt.

Điều 32. Quy định của giáo viên

1. Giáo viên có những quy định sau đây:

a) Được nhà trường tạo điều kiện để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục học sinh;

b) Được hưởng miễn quy định về vật chất, tinh thần và được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo các chế độ, chính sách quy định đối với nhà giáo;

c) Được trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức tham gia quản lý nhà trường;

d) Được hưởng lương và phụ cấp (nếu có) khi được cử đi học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định hiện hành;

đ) Được cử tham gia các lớp bồi dưỡng, hội nghị chuyên đề để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

e) Được hợp đồng thỉnh giảng và nghiên cứu khoa học tại các trường và cơ sở giáo dục khác nếu thực hiện được nhiệm vụ quy định tại Điều 30 của Điều lệ này và được sở đề nghị cử a Hiệu trưởng;

g) Được bảo vệ nhân phẩm, danh dự, an toàn thân thể;

h) Được hưởng các quy định khác theo quy định của pháp luật.

2. Giáo viên chức nhiệm ngoài các quy định quy định tại khoản 1 của Điều lệ này, còn có những quy định sau đây:

a) Được dạy các giờ học, hoạt động giáo dục khác của học sinh lớp mình;

b) Được dạy các cuộc họp của Hội đồng khen thưởng và Hội đồng kỷ luật khi giữ vị trí quy định nhưng vẫn có liên quan đến học sinh của lớp mình;

c) Được cử các lớp bồi dưỡng, hội nghị chuyên đề về công tác chuyên môn;

d) Được quy định cho phép cá nhân học sinh nghỉ học không quá 3 ngày liên tiếp;

đ) Được ghi miễn lên lớp hàng tuần theo quy định khi làm công việc chuyên môn lớp.

3. Giáo viên làm công tác Đoàn Thanh niên Công xã n Hồ Chí Minh, từng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định hiện hành.

4. Hiệu trưởng có thể phân công giáo viên làm công tác chuyên môn chuyên trách hoặc kiêm nhiệm. Giáo viên làm công tác chuyên môn được bố trí làm việc riêng và được vận dụng hưởng các chế độ chính sách hiện hành.

Điều 33. Trình độ chuẩn để đào tạo của giáo viên

1. Trình độ chuẩn để đào tạo của giáo viên được quy định như sau:

a) Có bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm đối với giáo viên tiểu học;

b) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng và chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên THCS;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm hoặc có bằng tốt nghiệp đại học và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên THPT.

2. Giáo viên chưa đạt trình độ chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này được nhà trường, cơ quan

quản lý giáo dục theo điều kiện học tập, bồi dưỡng để đạt trình độ chuẩn.

3. Giáo viên có trình độ trên chuẩn, có năng lực giáo dục cao để thực hiện chính sách theo quy định của Nhà nước, để các nhà trường, cơ quan quản lý giáo dục theo điều kiện để phát huy tác dụng của mình trong giảng dạy và giáo dục.

Điều 34. Hành vi, ngôn ngữ và trang phục của giáo viên

1. Hành vi, ngôn ngữ và trang phục của giáo viên phải đúng mực, có tác dụng giáo dục đối với học sinh.
2. Trang phục của giáo viên phải chỉnh tề, phù hợp với hoạt động sư phạm, theo quy định của Chính phủ và trang phục của viên chức Nhà nước.

Điều 35. Các hành vi giáo viên không được làm

Giáo viên không được có các hành vi sau đây:

1. Xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể của học sinh và đang nghỉ phép.
2. Gian lận trong kiểm tra, thi cử, tuyển sinh; gian lận trong đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh.
3. Xuyên tạc nội dung giáo dục; dạy sai nội dung kiến thức, không đúng với quan điểm, đường lối giáo dục của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

4. Ép buộc học sinh học thêm để thu tiền.

5. Hút thuốc lá, uống rượu, bia và sử dụng các chất kích thích khác khi đang tham gia các hoạt động giáo dục; sử dụng điện thoại di động khi đang dạy học trên lớp.

6. Bỏ giờ, bỏ buổi dạy, tùy tiện cắt xén chương trình giáo dục.

Điều 36. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Giáo viên có thành tích sáng tạo được khen thưởng, được phong tặng các danh hiệu thi đua và các danh hiệu cao quý khác.

2. Giáo viên có hành vi vi phạm quy định tại Điều lệ này thì xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương V

HỌC SINH

Điều 37. Tuổi học sinh trường trung học

1. Tuổi cấp học sinh vào học lớp 6 là 11 tuổi. Tuổi cấp học sinh vào học lớp 10 là 15 tuổi.

Đối với những học sinh được học vượt lớp cấp học trước hoặc học sinh vào cấp học ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định thì tuổi vào lớp 6 và lớp 10 được giảm hoặc tăng căn cứ vào tuổi cấp năm tốt nghiệp cấp học trước.

2. Học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, học sinh ở nước ngoài và nước có thể vào cấp học từ tuổi cao hơn 3 tuổi so với tuổi quy định.

3. Học sinh không được lưu ban quá 02 lần trong một cấp học.

4. Học sinh có thể học tốt và phát triển sớm và trí tuệ có thể vào học trường cao hơn hoặc học vượt lớp trong phạm vi cấp học. Trường xem xét đối với từng trường hợp cụ thể để thực hiện theo các bước sau:

a) Cha mẹ hoặc người đỡ đầu có đơn đề nghị với nhà trường;

b) Hội đồng nhà trường thành lập hội đồng khảo sát, tổ chức gồm: các đại diện của Ban giám hiệu và Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường; giáo viên dạy lớp học sinh đang theo học; giáo viên dạy lớp trên; nhân viên y tế;

c) Căn cứ kết quả khảo sát của hội đồng tổ chức, Hội đồng xem xét, quyết định.

5. Học sinh trong độ tuổi THCS, THPT ở nước ngoài và nước, con em người ở nước ngoài làm việc tại Việt Nam được học ở trường THCS hoặc trường THPT tại nơi cư trú hoặc trường THCS và THPT ở ngoài nơi cư trú nếu trường đó có khả năng tiếp nhận. Trường như sau:

a) Cha mẹ hoặc người đỡ đầu có đơn đề nghị với nhà trường;

b) Hội đồng nhà trường tổ chức khảo sát trình độ của học sinh và xếp vào lớp phù hợp.

Điều 38. Nhiệm vụ của học sinh

1. Thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường.
2. Kính trọng cha mẹ, thầy giáo, cô giáo, cán bộ, nhân viên của nhà trường và nhân viên học tập; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện; thực hiện điều lệ, nội quy nhà trường; chấp hành pháp luật của Nhà nước.
3. Rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân.
4. Tham gia các hoạt động tập thể của trường, của lớp, của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; giúp đỡ gia đình và tham gia các công tác xã hội như hoạt động bảo vệ môi trường, thực hiện trật tự an toàn giao thông.
5. Giữ gìn, bảo vệ tài sản của nhà trường, nội công cộng; góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường.

Điều 39. Quyền của học sinh

1. Được bình đẳng trong việc học theo thể chế giáo dục toàn diện, được bảo đảm nhu cầu đi học miễn phí thời gian, cấp suất cho ăn, ở, sinh, an toàn để học tập ở lớp và tại học ở nhà, được cung cấp thông tin về việc học tập của mình, được sở hữu trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hóa, thể thao của nhà trường theo quy định.
2. Được tôn trọng và bảo vệ, được đề nghị bình đẳng, dân chủ, được quy định khiếu nại và khiếu nại nhà trường và các cấp quản lý giáo dục về những quy định đối với bản thân mình; được quy định học chuyển trường khi có lý do chính đáng theo quy định hiện hành; được học trường công lập, học vượt lớp, học tại trường cao hơn tu nghiệp theo Điều 37 của Điều lệ này.

3. Được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu và các môn học, thể thao, nghệ thuật do nhà trường tổ chức nếu có đủ điều kiện; được giáo dục kỹ năng sống.

4. Được nhận học bổng học tập khác theo quy định đối với học sinh được hưởng chính sách xã hội, học sinh có khó khăn về đời sống và học sinh có năng lực đặc biệt.

5. Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Hành vi, ngôn ngữ học sinh, trang phục của học sinh

1. Hành vi, ngôn ngữ học sinh của học sinh trung học phải đảm bảo tính văn hoá, phù hợp với đạo đức và lối sống của lứa tuổi học sinh trung học.

2. Trang phục của học sinh phải gọn gàng, sạch sẽ, giản dị, thích hợp với lứa tuổi, thuận tiện cho việc học tập và sinh hoạt tại nhà trường.

Tuân thủ điều kiện của trường THPT, Học sinh trường có thể quy định học sinh mặc đồng phục theo tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định nếu được nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường đồng ý.

Điều 41. Các hành vi học sinh không được làm

1. Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể giáo viên, cán bộ, nhân viên của nhà trường, người khác và học sinh khác.

2. Gian lận trong học tập, kiểm tra, thi cử, tuyển sinh.

3. Làm vi c khác; s d ng đi n tho i di đ ng ho c máy nghe nh c trong gi h c; hút thu c, u ng r u, bia và s d ng các ch t kích thích khác khi đang tham gia các ho t đ ng giáo d c.

4. Đánh nhau, gây r i tr t t , an ninh trong nhà tr ng và n i công c ng.

5. L u hành, s d ng các n ph m đ c h i, đ i tru ; đ a thông tin không lành m nh lên m ng; ch i các trò ch i mang tính kích đ ng b o l c, tình d c; tham gia các t n n xã h i.

Điề u 42. Khen th ng và k lu t

1. H c sinh có thành tích trong h c t p và rèn luy n đ c nhà tr ng và các c p qu n lý giáo d c khen th ng b ng các hình th c sau đây:

a) Khen tr c l p, tr c tr ng;

b) Khen th ng cho h c sinh tiên ti n, h c sinh gi i;

c) C p gi y ch ng nh n, gi y khen, b ng khen, n u đ t thành tích trong các k thi, h i thi theo quy đ nh c a B Giáo d c và Đào t o;

d) Các hình th c khen th ng khác.

2. H c sinh vi ph m khuy t đ m trong quá trình h c t p, rèn luy n có th đ c khuyên răn ho c x lý k lu t theo các hình th c sau đây:

a) Phê bình trực tiếp, trực tiếp trường;

b) Khiển trách và thông báo với gia đình;

c) Cảnh cáo ghi học bạ ;

d) Buộc thôi học có thời hạn.

Chương VI

TÀI SẢN CỦA TRƯỜNG

Điều 43. Địa điểm, diện tích của trường

1. Trường học là một khu riêng biệt đặt trong môi trường thuận lợi cho giáo dục. Trường phải có tường bao quanh, có cổng trường và biển trường.

2. Trường diện tích sử dụng của trường phải thi đấu theo tiêu chuẩn quy định, đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Điều 44. Các khối công trình của trường

1. Phòng học, phòng học bộ môn

a) Phòng h c:

- Có đ phòng h c đ h c nhi u nh t là hai ca trong m t ngày;
- Phòng h c đ c xây d ng theo tiêu chu n quy đ nh;
- Phòng h c có đ bàn gh phù h p v i t m vóc h c sinh, có bàn gh c a giáo viên, có b ng vi t và đ đi u ki n v ánh sáng, thoáng mát.

b) Phòng h c b môn: Th c hi n theo Quy đ nh v tiêu chu n phòng h c b môn do B tr ng B Giáo d c và Đào t o ban hành.

2. Kh i ph c v h c t p g m nhà t p đa năng, th vi n, phòng ho t đ ng Đoàn - Đ i, phòng truy n th ng.

3. Kh i hành chính - qu n tr .

G m phòng làm vi c c a Hi u tr ng, Phó Hi u tr ng, văn phòng, phòng h p toàn th cán b , giáo viên và nhân viên nhà tr ng, phòng các t chuyên môn, phòng y t tr ng h c, nhà kho, phòng th ng tr c, phòng c a các t ch c Đ ng, đoàn th ...

4. Khu sân ch i, bãi t p.

Có di n tích ít nh t b ng 25% t ng di n tích s d ng c a tr ng, khu sân ch i có hoa, cây bóng mát và đ m b o v sinh; khu bãi t p có đ thi t b luy n t p th d c th thao và đ m b o an toàn.

5. Khu vực sinh và hệ thống cấp thoát nước.

a) Khu vực sinh được bố trí hợp lý theo từng khu làm việc, học tập cho giáo viên và học sinh, riêng cho nam, nữ, có đủ nước, ánh sáng, đảm bảo vệ sinh, không làm ô nhiễm môi trường;

b) Có hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước cho tất cả các khu vực theo quy định về vệ sinh môi trường.

6. Khu đỗ xe: Bố trí hợp lý trong khuôn viên trường, đảm bảo an toàn, trật tự, vệ sinh.

7. Có hệ thống hệ thống công nghệ thông tin kết nối internet đáp ứng yêu cầu quản lý và dạy học.

Chương VII

QUAN HỆ GIỮA NHÀ TRƯỜNG, GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI

Điều 45. Trách nhiệm của nhà trường

Nhà trường phải chủ động phối hợp thường xuyên và chặt chẽ với gia đình và xã hội để xây dựng môi trường giáo dục theo hướng nhất nhất nhằm thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục.

Điều 46. Ban đại diện cha mẹ học sinh

1. Mọi lớp có mặt Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức trong mỗi năm học gồm các thành viên do cha mẹ, người giám hộ học sinh cử ra để phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo

viên bổ môn trong việc giáo dục học sinh.

2. Mọi trường có một Ban đại diện cha mẹ học sinh được tổ chức trong mỗi năm học gồm một số thành viên do các Ban đại diện cha mẹ học sinh từng lớp cử ra để phối hợp với nhà trường thực hiện các hoạt động giáo dục.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh từng lớp, từng trường trung học thực hiện theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Điều 47. Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Nhà trường phối hợp với chính quyền, đoàn thể địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh, các tổ chức chính trị - xã hội và cá nhân có liên quan như:

1. Thực hiện quan điểm, nội dung, phương pháp giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội để thực hiện mục tiêu giáo dục.

2. Huy động mọi lực lượng và nguồn lực của cộng đồng chăm lo cho sự nghiệp giáo dục, góp phần xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục của nhà trường; xây dựng phong trào học tập và môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn, ngăn chặn những hoạt động có hại học sinh; tạo điều kiện để học sinh được vui chơi, hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao lành mạnh phù hợp với lứa tuổi.

..... **KT.**
BỘ TRƯỞNG

.....
THỦ TRƯỞNG

Nguy n Vinh Hi n